

Số 104 /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của  
Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Văn bản số 431/TTCP-C.IV ngày 18/3/2020 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (viết tắt là Chỉ thị số 10/CT-TTg).

Qua quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả 01 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Khái quát tổ chức bộ máy trong phạm vi lãnh đạo, quản lý và việc phân công trách nhiệm lãnh đạo, quản lý công tác phòng, chống tham nhũng.**

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên; tăng cường các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, góp phần tạo môi trường minh bạch, an toàn, ổn định tình hình, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Về lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương trực tiếp là người đứng đầu cấp ủy; đồng thời giao Ban Nội chính Tỉnh ủy là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác phòng, chống tham nhũng trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở.

Về công tác phòng, chống tham nhũng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối theo dõi, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi toàn tỉnh.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị trực thuộc (bao gồm 18 Sở, ngành và 09 đơn vị sự nghiệp trực thuộc: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trường Cao Đẳng nghề Ninh Thuận, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình, Ban Xây dựng năng lực và Thực hiện các dự án ODA ngành nước tỉnh, Ban An toàn giao thông và 06 doanh nghiệp Nhà nước: Công ty TNHH một thành viên sở xó kiến thiết, Công ty Cổ phần cấp nước, Công ty Cổ phần dịch vụ và ĐTPT Việt Ninh, Công ty TNHH một thành

viên khai thác thủy lợi, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến); đồng thời gồm có 07 huyện, thành phố (thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Thuận Nam, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Bắc, huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái).

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo Thanh tra tỉnh thường xuyên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quán triệt, đôn đốc, theo dõi, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà khi thực thi công vụ của cán bộ công chức trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc quy định việc tiếp công dân, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, doanh nghiệp liên quan đến hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực của cán bộ công chức theo đúng quy định; xác định vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải đề cao trách nhiệm nêu gương, gương mẫu thực hiện và tăng cường trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý.

## **2. Những đặc điểm nổi bật tác động, ảnh hưởng đến hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý Nhà nước, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg.**

Ngay khi có Chỉ thị số 10/CT-TTg được ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt nội dung Chỉ thị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện nghiêm túc. Đồng thời ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, từ đó tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhằm kiên quyết đấu tranh chống lại các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, nhất là tham nhũng vặt trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức, trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; nâng cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu được thể hiện rõ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trong giải quyết công việc, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Từ đó đã góp phần quan trọng trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm; tinh thần phục vụ, đạo đức công vụ của công chức được nâng lên, chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, ứng xử văn hóa công sở, củng cố niềm tin của nhân dân và tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 10/CT-TTg**

### **1. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện:**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Thanh tra tỉnh tham mưu tổ chức Hội nghị quán triệt Chỉ thị số 10/CT-TTg cho cán bộ chủ chốt các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời giao nhiệm vụ cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, đơn vị mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 3008/KH-UBND ngày 15/7/2019 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg tại địa phương. Trong đó, giao các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch cụ thể hóa để thực hiện hiệu quả và phù hợp tình

hình thực tế từng của cơ quan, đơn vị. Đến nay, qua theo dõi, kiểm tra tất cả các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan đều có ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg theo quy định.

Đồng thời, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “tham nhũng vặt”, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành Kế hoạch số 5238/KH-UBND ngày 30/12/2019 về việc thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tổ chức thực hiện.

## **2. Việc ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg.**

a) Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống “tham nhũng vặt”.

b) Kế hoạch số 3008/KH-UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương.

c) Kế hoạch số 5238/KH-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về việc thực hiện Chỉ thị số 62-CT/TU.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị và địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

## **3. Việc rà soát nhận diện nguy cơ tham nhũng theo vị trí việc làm, kết quả rà soát.**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh đã quán triệt, chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, nhất là tham nhũng vặt; ngăn chặn, chấn chỉnh có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, doanh nghiệp liên quan đến việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, liên quan đến các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực để kịp thời chỉ đạo xử lý nghiêm theo quy định. Trong đó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải đề cao trách nhiệm nêu gương; gương mẫu thực hiện và tăng cường trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý.

b) Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp quan tâm thực hiện phương thức này một cách thường xuyên nhằm phát hiện có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ, kịp thời phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để phát hiện, xử lý các hành vi sai phạm.

c) Chấn chỉnh công tác quản lý; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ, giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp; đảm bảo giải quyết dứt điểm, kịp thời các kiến nghị, phản ánh, tố cáo của người dân và doanh nghiệp, tránh tình trạng giải thích không rõ ràng thay vì giải quyết (ban hành kế hoạch về

chân chính kỷ luật, kỷ cương hành chính) thường xuyên tổ chức, kiểm tra chân chính kỷ luật, kỷ cương, hành chính tại các cơ quan, đơn vị.

d) Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương xây dựng Đề án vị trí việc làm. Qua đó, xác định trách nhiệm cụ thể của từng cán bộ, công chức trong việc thực thi công vụ để tổ chức giám sát kiểm tra việc thực hiện, chỉ đạo ban hành nội quy, quy chế làm việc.

đ) Thường xuyên rà soát những vị trí việc làm, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng như: kế toán, thuế, đất đai, cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đầu tư, môi trường, xây dựng, cảnh sát giao thông, thanh tra chuyên ngành và một số đơn vị cung ứng dịch vụ hành chính công phục vụ yêu cầu của người dân ở xã, thị trấn, cơ sở khám chữa bệnh, giáo dục...

e) Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp đường truyền trang thông tin điện tử để người dân, doanh nghiệp truy cập, cập nhật thông tin nhanh nhất, hạn chế việc truy cập qua nhiều thao tác,....

f) Về giải pháp phòng ngừa tham nhũng đối với vị trí việc làm, lĩnh vực nêu trên: định kỳ thực hiện luân chuyển công tác từ đơn vị này sang đơn vị khác, từ địa phương này sang địa phương khác; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ;...

g) Triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập năm đến các đối tượng, diện kê khai tài sản.

### **3. Việc lập công khai đường dây nóng, số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về hành vi gây phiền hà, những nhiễu.**

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, liên quan đến trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tất cả các cơ quan, Sở, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố đều công khai số điện thoại đường dây nóng và hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, đạt 100%. Trong đó có tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về hành vi gây phiền hà, những nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức trong việc thực thi công vụ.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan như Sở Kế hoạch và đầu tư, Thanh tra tỉnh và Sở Nội vụ làm đầu mối, thiết lập công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ hộp thư đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp liên quan đến các hành vi tiêu cực, những nhiễu của cán bộ, công chức, điển hình như:

a) Đối với Thanh tra tỉnh:

Thanh tra tỉnh công khai lại số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp:

- Ông Lê Quang Cảnh - Chánh Thanh tra tỉnh. Số điện thoại: 0913.198.005;  
Email: [quangcanh@ninhthuan.gov.vn](mailto:quangcanh@ninhthuan.gov.vn)

- Ông Trần Minh Cảnh - Phó Chánh Thanh tra tỉnh. Số điện thoại: 0986.334.449; Email: [tranminhcanh@ninhthuan.gov.vn](mailto:tranminhcanh@ninhthuan.gov.vn)

Thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân sẽ được xử lý kịp thời và đảm bảo bí mật theo quy định.

b) Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư (được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thiết lập số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử của tỉnh):

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thiết lập số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử tại Văn bản số 1181/SKHĐT-VP ngày 13/6/2012. Thông qua đó để tiếp nhận thông tin và kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý các hành vi nhũng nhiễu, phiền hà của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

- Ông Phạm Đồng - Giám đốc Sở, số điện thoại: 02593.836.999 - 0908.050.292

- Ông Nguyễn Huỳnh Quê Phương - Chánh Văn phòng, số điện thoại: 02593.822.694 - 0937.100.582

- Địa chỉ hộp thư điện tử: [Sokhdt@ninhthuan.gov.vn](mailto:Sokhdt@ninhthuan.gov.vn)

c) Đối với Sở Nội vụ:

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ thiết lập số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ hộp thư điện tử tại Văn bản số 1442/QĐ-UBND ngày 10/9/2019. Thông qua đó để tiếp nhận thông tin và kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý các hành vi nhũng nhiễu, phiền hà của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

- Ông Nguyễn Long Biên - Giám đốc Sở, số điện thoại: 0913.944.991.

- Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Khiết - Chánh Thanh tra Sở, số điện thoại: 02593.839.166 - 0944.248.181

- Địa chỉ hộp thư điện tử: [kyluatkycuong@ninhthuan.gov.vn](mailto:kyluatkycuong@ninhthuan.gov.vn)

**4. Việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân, công khai thời gian địa điểm tiếp công dân.**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Tiếp công dân tỉnh theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức. Công tác tiếp công dân được Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp định kỳ, thường xuyên, công khai lịch tiếp công dân trên các trang cổng thông tin điện tử của đơn vị mình và niêm yết tại các cơ quan, đơn vị. Đồng thời chỉ đạo các huyện, thành phố thành lập Ban Tiếp công dân cấp mình (có 7/7 địa phương đã thành lập, đạt 100%).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: tiếp định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày 01 hàng tháng; tại Trụ sở Tiếp công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh tại đường Nguyễn Công Trứ, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

*h*

Lịch tiếp công dân được đăng trên cổng thông tin điện tử: [www.ninhthuan.gov.vn](http://www.ninhthuan.gov.vn), đồng thời niêm yết công khai tại Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh.

- Số buổi tiếp công dân trong kỳ báo cáo:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp là 197 lần (gồm tiếp định kỳ 10 lần, tiếp thường xuyên tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh là 186 lần, tiếp công dân đột xuất 01 lần).

+ Giám đốc Sở, ngành tiếp 358 lần (tiếp định kỳ 186 lần, tiếp thường xuyên 172 lần).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiếp: 632 lần.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp: 2.773 lần

- Số buổi tiếp công dân được đăng lịch lên cổng thông tin điện tử: 372 buổi (ngoài ra đối với cấp xã, không có cổng thông tin điện tử, nhưng hàng tháng Ủy ban nhân dân cấp xã đều ban hành lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và niêm yết tại địa điểm tiếp công dân, Trụ sở Ban quản lý thôn, khu phố và thông báo trên loa truyền thanh của xã, phường, thị trấn).

- Tổng số đơn tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết: 1.332 đơn (Đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo chủ yếu thuộc lĩnh vực tài nguyên đất đai, không có đơn thư về gây phiền hà những nhiều trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp).

+ Số đơn đã giải quyết: 1.243 đơn.

+ Số đơn chưa giải quyết: 89 đơn (đang trong thời hiệu xem xét, giải quyết).

c) Nội dung đơn thư chủ yếu liên quan đến các dự án đầu tư phải thu hồi đất, pháp luật hiện hành chưa tạo được những chính sách chung về giá bồi thường đất và điều chỉnh giá theo thời gian; nhiều dự án được phân thành các giai đoạn khác nhau, kéo dài thời gian thực hiện dự án dẫn đến việc so sánh giá bồi thường giữa các dự án; cũng như việc thay đổi, điều chỉnh pháp luật thường xuyên có liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ. Đồng thời qua buổi đối thoại có một số đơn đang chỉ đạo các ngành, địa phương tiếp tục rà soát, kiểm tra lại để giải quyết.

d) Công tác tiếp công dân được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện nghiêm túc theo quy định, có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giải thích, vận động, tuyên truyền, tiếp nhận, xử lý theo đúng trình tự, thủ tục quy định, cơ bản ổn định tình hình, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

**5. Việc tiếp nhận công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính Nhà nước, tại những nơi thường xuyên tiếp xúc giao dịch với người dân, doanh nghiệp phải có giám sát bằng công nghệ hiện đại (như ghi âm, ghi hình, giám sát trực tuyến...).**

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương luôn đổi mới phương thức quản lý, phương pháp làm việc tiếp nhận thủ tục hành chính thông qua bộ phận một cửa đặt tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh (đường 16/4 thành phố Phan Rang - Tháp Chàm), tại khu Trung tâm phục vụ hành chính công lắp đặt đầy đủ cơ sở,

vật chất, trang thiết bị để tinh quản lý theo dõi và thay đổi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan, đơn vị như lắp camera trực tuyến giám sát trong việc tiếp công dân, tại các bộ phận một cửa, nơi tiếp xúc giao dịch với người dân và doanh nghiệp... không để xảy ra tình trạng “tham nhũng vặt”, những nhiễu, phiền hà trong công việc đối với người dân và doanh nghiệp.

b) Thực hiện phần mềm TDoffice; tất cả các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành phố đều sử dụng, khai thác hệ thống thư điện tử trong công việc; nâng cao chất lượng mạng nội bộ, mạng Internet. Tăng cường cung cấp, đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử của tỉnh cũng như trang web của các Sở, ngành, địa phương. Tăng cường ứng dụng dịch vụ công mức độ 3, 4 trong xử lý các thủ tục hành chính, nhất là triển khai đăng ký doanh nghiệp qua mạng và trả kết quả qua đường bưu điện.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố cũng đã thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, có trách nhiệm tiếp nhận và giao trả các hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định. Tại Phòng một cửa có trang bị camera để giám sát thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

## **6. Việc nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.**

Để nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp: các cơ quan, đơn vị và địa phương đã thu thập ý kiến của người dân, tổ chức làm cơ sở để định hướng các giải pháp cải thiện chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ người dân, tổ chức của cán bộ, công chức, viên chức đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Thực hiện khảo sát bằng phiếu thăm dò chuyên đi và được cá nhân, tổ chức có ý kiến phản hồi về, đa phần không có phiếu nào đánh giá chưa am hiểu quy trình, nội dung công việc, giải quyết công việc cò lúng túng, đùn đẩy trách nhiệm khi giải quyết công việc cho công dân. Các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định, tạo sự hài lòng cho cá nhân tổ chức tác động dịch vụ.

Qua đó, để biết được những hạn chế, yếu kém như thái độ phục vụ yếu kém của công chức nhằm kịp thời chấn chỉnh, rút ra những việc chưa làm hài lòng người dân và doanh nghiệp mà khắc phục, thay đổi cho phù hợp và đúng quy định. Qua khảo sát cho thấy mức độ hài lòng về sự phục vụ của hành chính đối với cá nhân, tổ chức được nâng lên; công việc của các cá nhân, tổ chức được quan tâm giải quyết nhanh hơn, thuận lợi hơn, phương thức phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước được thể hiện rõ nét; mối quan hệ giữa cơ quan hành chính với nhân dân, tổ chức chặt chẽ hơn.

Trong thời gian qua, căn cứ Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ cơ quan hành chính Nhà nước giai đoạn 2017-2020”; Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 18/4/2019 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2018;

Trên cơ sở kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2018 (gọi tắt là SIPAS 2018), được Bộ

Nội vụ công bố ngày 24/5/2019; kết quả đánh giá Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS) năm 2018 của tỉnh:

**a) Chỉ số hài lòng về thủ tục hành chính.**

Kết quả đánh giá về sự hài lòng của người dân, tổ chức về yếu tố thủ tục hành chính năm 2018 của tỉnh Ninh Thuận là 80.96% - giảm 3.24% so với năm 2017 (thấp hơn mức bình quân cả nước 5.29%), xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố - giảm 18 bậc so với năm 2017 (so với đợt khảo sát năm 2018 của tỉnh tại Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 28/12/2018 thì Chỉ số hài lòng về thủ tục hành chính là 77.5%, thấp hơn khảo sát của Bộ Nội vụ 3.46%). Năm 2019, chưa công bố.

**b) Chỉ số hài lòng về công chức.**

Kết quả đánh giá về sự hài lòng của người dân, tổ chức về Chỉ số hài lòng của công chức năm 2018 của tỉnh Ninh Thuận là 80.54% - giảm 4.6% so với năm 2017 (thấp hơn mức nói chung cả nước 4.56%), xếp hạng 49/63 tỉnh, thành phố - giảm 29 bậc so với năm 2017 (so với đợt khảo sát năm 2018 của tỉnh tại Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 28/12/2018 thì Chỉ số hài lòng về công chức là 77,8%, thấp hơn khảo sát của Bộ Nội vụ 2.74%). Mong muốn của người dân, tổ chức về cải thiện thái độ của công chức 8.18%; cải thiện tinh thần phục vụ của công chức 7.13%; nâng cao năng lực giải quyết công việc của công chức 11.11%. Năm 2019, chưa công bố.

**c) Chỉ số hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công.**

Kết quả đánh giá về sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với Chỉ số hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công năm 2018 của tỉnh Ninh Thuận là 83.09% - giảm 4.50% (thấp hơn mức trung bình cả nước 5.04%), xếp hạng 52/63 tỉnh, thành phố - giảm 29 bậc so với năm 2017 (so với đợt khảo sát năm 2018 của tỉnh tại Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 28/12/2018 thì Chỉ số hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công là 81.2%, thấp hơn khảo sát của Bộ Nội vụ 1.89%). Năm 2019, chưa công bố.

**d) Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị.**

Kết quả đánh giá về sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với Chỉ số hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị năm 2018 của tỉnh Ninh Thuận là 66.15% - giảm 8.85% (thấp hơn mức trung bình cả nước 7.92%), xếp hạng 45/63 tỉnh, thành phố - giảm 21 bậc so với năm 2017 (so với đợt khảo sát năm 2018 của tỉnh tại Báo cáo số 354/BC-UBND ngày 28/12/2018 thì Chỉ số hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công là 77.6%, cao hơn khảo sát của Bộ Nội vụ 11.45%). Mong đợi của người dân, tổ chức về bố trí hình thức tiếp nhận ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức dễ dàng, thuận tiện: 8.81%; tiếp nhận, giải quyết tốt các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức kịp thời, tích cực 10.06% và các ý kiến khác 0.42%. Năm 2019, chưa công bố.



**7. Việc thực hiện quy tắc ứng xử, những việc không làm được của người có chức vụ, quyền hạn.**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 3061/KH-UBND ngày 17/7/2019 triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, đã tổ chức, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nội dung về văn hóa công vụ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức về tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, đạo đức lối sống, trang phục phù hợp với công việc, trang phục phù hợp với ngành, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, trong đó có lồng ghép thực hiện vào nội dung sinh hoạt cơ quan, chi bộ của từng đơn vị, địa phương.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh đã quán triệt và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công vụ tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ gắn với thực hiện cải cách hành chính; xây dựng môi trường văn hóa văn minh, thân thiện, liêm chính, kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, mỗi cơ quan, đơn vị luôn chấp hành, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, văn hóa công vụ phù hợp theo quy định của ngành mình. Qua đó đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của các tất cả công chức, viên chức, người lao động đối với việc thực hiện Đề án Văn hóa công vụ.

**8. Việc xử lý vi phạm và trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị thiếu trách nhiệm, để cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp có hành vi những nhiều, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp: không có trường hợp nào xảy ra trên địa bàn tỉnh.**

**9. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính.**

Thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 về ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; và Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh.

Ngày 10/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1442/QĐ-UBND về kiện toàn Tổ Kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp; thường xuyên kiểm tra: đột xuất, chuyên đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ của cán bộ, công chức trên phạm vi toàn tỉnh.

Qua mỗi đợt kiểm tra đều có văn bản chấn chỉnh, xử lý đối với những tồn tại, hạn chế theo kết quả kiểm tra. Công khai đường dây nóng, bố trí cán bộ, công

chức, viên chức có trách nhiệm trực và tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thông qua đường dây nóng...

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành tổ chức tự kiểm tra cho 100% cán bộ, công chức, viên chức ký cam kết với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên, việc thực thi công vụ, trách nhiệm người đứng đầu, thực hiện cơ chế phối hợp.

Đa số các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương hành chính như phổ biến, quán triệt các văn bản quy định về kỷ luật, kỷ cương, hành chính đến cán bộ, công chức, viên chức; tuân thủ quy định và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ.

- Số cuộc kiểm tra, giám sát đôn đốc: 74 cuộc.

- Số cơ quan, đơn vị kiểm tra, giám sát, đôn đốc: 29.

- Số cơ quan, đơn vị có vi phạm đã phát hiện; nội dung vi phạm, biện pháp xử lý: 20 người đi làm trễ/07 cơ quan, đơn vị; đã có kiến nghị nhắc nhở.

- Đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc:

Qua kiểm tra, giám sát, đôn đốc đã được các Sở, Ban, ngành, địa phương quan tâm thực hiện, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như chưa kiểm tra, giám sát thường xuyên, chỉ tập trung giám sát lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực như các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng...

### **III. ĐÁNH GIÁ HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG TÁC LÃNH CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Về ưu điểm:**

a) Công tác phòng, chống tham nhũng được sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Tỉnh ủy, sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự vào cuộc một cách đồng bộ, mạnh mẽ của các hệ thống chính trị và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó có vai trò quan trọng của cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng nói chung và tham nhũng vặt nói riêng. Qua 01 năm thực hiện đã đạt được kết quả bước đầu đó là không có trường hợp bị người dân, doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại, tố cáo hay phàn nàn về thái độ phục vụ của công chức, viên chức trong khi thực hiện công vụ.

b) Quá trình thực hiện đã làm chuyển biến nhận thức của mọi người; nâng cao thái độ, tinh thần trách nhiệm phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải quyết công việc. Ngăn chặn chân chính kịp thời tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Người dân, doanh nghiệp có cơ hội được phản ánh, đánh giá sự hài lòng đối với thái độ phục vụ của cán bộ, công chức; Củng cố lòng tin của người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## 2. Về tồn tại, hạn chế:

a) Một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa quan tâm hoặc chưa có thói quen thực hiện việc phản ánh, khiếu nại, tố cáo về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ nên thời gian qua việc tiếp nhận thông tin không phát sinh.

b) Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa thể hiện được tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc, như: yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung giấy tờ, hồ sơ nhiều lần; giải thích, hướng dẫn không rõ... khiến người dân phải đi lại nhiều lần. Tình trạng này chủ yếu diễn ra trong một số lĩnh vực như thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với các Bộ, ngành liên quan: thường xuyên rà soát các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý để điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện pháp luật (đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản...) nhằm đơn giản hóa thủ tục, hạn chế nhũng nhiễu, tiêu cực.

### 2. Đối với Thanh tra Chính phủ:

- Tham mưu Chính phủ sớm ban hành Nghị định kiểm soát tài sản thu nhập của cán bộ công chức.

- Tăng cường công tác tập huấn chuyên đề, chuyên sâu về công tác phòng, chống tham nhũng cho các địa phương. Ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể, chi tiết để thực hiện hiệu quả hơn nữa công tác phòng, chống tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc theo tinh thần Chỉ thị số 10/CT-TTg.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận: *h<sub>2</sub>*

- Thanh tra Chính phủ (b/c)
- TT: Tỉnh ủy, TT: HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- VPUB: LĐ;
- Lưu VT, TCDNC. VHH+VMT

**CHỦ TỊCH**



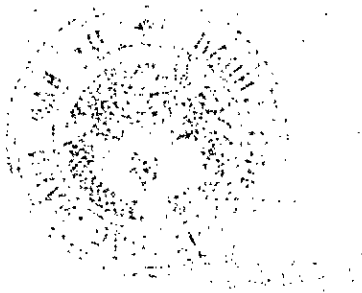
**Lưu Xuân Vinh**

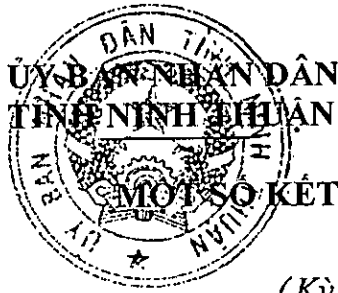
**CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT**

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh)

1. Phụ lục 1: Một số kết quả chủ yếu trong việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND
2. Phụ lục 2: Kết quả xử lý vi phạm cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà, nhũng nhiễu;
3. Phụ lục 3: Tình hình tiếp nhận, thông tin qua hộp thư điện tử, đường dây nóng;
4. Phụ lục 4: Tình hình tiếp nhận giải quyết đơn
5. Phụ lục 5A, 5B, 5C, 5D áp dụng cho Sở Kế hoạch đầu tư
6. Phụ lục 6A, 6B, 6C, 6D áp dụng cho Sở Giao thông vận tải
7. Phụ lục 7A, 7B, 7C, 7D áp dụng cho Sở Tài nguyên và Môi trường
8. Phụ lục 8A, 8B, 8C, 8D áp dụng cho Sở nông nghiệp phát triển nông thôn
9. Phụ lục 9A, 9B, 9C, 9D áp dụng cho Sở Giáo dục và đào tạo
10. Phụ lục 10A, 10B, 10C, 10D áp dụng cho Sở Y tế
11. Phụ lục 11A, 11B, 11C, 11D áp dụng cho Sở xây dựng (quy hoạch - kiến trúc).

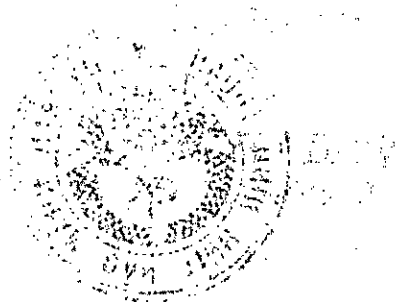
h





**MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG VIỆC THỰC HIỆN  
CHỈ THỊ 10/CT-TTg**  
(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

TT	Nội dung	ĐVT	Số liệu
<b>A</b>	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản chỉ đạo ban hành để thực hiện Chỉ thị	Văn bản	35
<b>B</b>	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT</b>		
2	Số lượt cán bộ, công chức tham gia tập huấn	Lượt người	3.518
3	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật thực hiện Chỉ thị	Lớp	17
<b>C</b>	<b>CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CHỈ THỊ</b>		
4	Kết quả rà soát nhận diện nguy cơ tham nhũng theo vị trí việc làm	Người	69
5	Số lượng đơn vị công khai số điện thoại đường dây nóng	Cơ quan	81
6	Số lượng đơn vị công khai địa chỉ hộp thư điện tử	Cơ quan	75
7	Số lượng đơn vị công khai thời gian, địa điểm tiếp dân	Cơ quan	91
8	Số lượng đơn vị giám sát bằng công nghệ hiện đại ghi âm, ghi hình, giám sát trực tuyến	Cơ quan	8
9	Số lượng đơn vị đánh giá sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp	Cơ quan	108
10	Số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	Lượt người	0
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính	Cuộc	74
12	Số người vi phạm việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính	Người	20 người đi làm trễ (của 07 cơ quan, đơn vị)
13	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm	Người	0
14	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm	Người	0
15	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm./.	Người	0





PHỤ LỤC 2

**KẾT QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC GÂY PHIÊN HÀ, NHỮNG NHIỀU**

*(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)*

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc và kết quả xử lý vi phạm
1	0	0	0	0
2	0	0	0	0
...				

*h*



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUAN



PHỤ LỤC 3

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, THÔNG TIN QUA THƯ ĐIỆN TỬ, ĐƯỜNG DÂY NÓNG  
(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

TT	Loại hình	Số lượng tiếp nhận		Số lượng đã giải quyết					Số lượng chưa giải quyết				Ghi chú	
		Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn					
		Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12
1	Qua thư điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Qua đường dây nóng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

3



TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN

(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

TT	Loại đơn	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1	Kiến nghị, phản ánh	-	993	1	992	-	926	5	921	-	-	67	-	-	
2	Khiếu nại	-	303	6	297	-	281	12	269	-	-	22	-	-	
3	Tố cáo	-	36	2	34	-	36	2	34	-	-	-	-	-	

GHI CHÚ: - (cột 3) Số đơn tồn từ trước đến nay.  
- (cột 4) Tính từ khi có Chi thị 10.

b

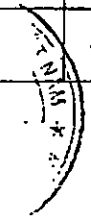


UBND TỈNH NINH THUẬN  
SỞ XÂY DỰNG

PHỤ LỤC 11B

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, THÔNG TIN QUA THƯ ĐIỆN TỬ, ĐƯỜNG DÂY NÓNG  
 (kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

Stt	Loại hình	Số lượng tiếp nhận		Số lượng đã giải quyết					Số lượng chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Qua thư điện tử	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Qua đường dây nóng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		





5.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu NN	0	3	0	3	0	0				0	3	0	3	0	0	0	0	0
6	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án KĐT mới, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	0	0	0	0						0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án KĐT mới, dự án phát triển nhà ở trên địa bàn đối với các dự án do UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện, thị xã quyết định	0	0	0	0						0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>B</b>	<b>Về Quy hoạch – Kiến trúc</b>																		
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của DA ĐTXD công trình theo hình thức kinh doanh	8	0	0	8						8	0	8	0	0	0	0	0	0
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh QH chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh	7	0	0	7						7	0	7	0	0	0	0	0	0



TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, THÔNG TIN QUA THƯ ĐIỆN TỬ, ĐƯỜNG DÂY NÓNG

(Kèm theo Báo cáo số ...1610/BC- SYT ngày 6.../4/2020 của Sở Y tế)

STT	Loại hình	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1.	Qua thư điện tử	0	0	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	
2.	Qua đường dây nóng	0	0	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	



**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT ĐƠN**  
(Kèm theo Báo cáo số ...1610.../BC- SYT ngày ...6.../4/2020 của Sở Y tế)

STT	Loại hình	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyên sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1.	Kiến nghị, phản ánh	0	0	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	
2.	Khiếu nại	0	0	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	
3.	Tố cáo	0	0	0	0	/	/	/	/	/	/	/	/	/	

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUA**  
(Kèm theo Báo cáo số ..1610./BC- SYT ngày ...6.../4/2020 của Sở Y tế)

TT	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Chi chú	
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số			Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		
1.	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
1	Cấp lại CCHN KCB đối với người Việt Nam bị thu hồi theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật KBCB thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không		
2	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa, đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	3	18	0	21	0	1	1	0	0	3	18	20	1	0	Không	Không	Không	Không		
3	Cấp lại CCHN bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi CCHN theo quy định tại điểm c, d, đ,	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không		

TT	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Chi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
	e và g Khoản 1 Điều 29 Luật KBCB thuộc thẩm quyền của Sở Y tế																			
4	Cấp CCHN Dược (bao gồm cả trường hợp cấp CCHN bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1,2,4,5,6,7,8,9,10,11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	1	96	0	97	0	1				96		90	6	0	0		0	0	Cá nhân xin rút hồ sơ
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế ( Cơ sở bán buôn, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	3	107		110		01				3		98	11	0	0		0	0	Cơ sở thẩm định không đạt, xin ngừng hoạt động

TT	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Chi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyên sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
6	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	2	0	0	2	2	0	1	1	0	02	0	0	2	0	0	0	0	0	0

**VIỆC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, KẾT QUẢ**  
(Kèm theo Báo cáo số 1610../BC-SYT ngày 6.../4/2020 của Sở Y tế)

Stt	Lĩnh vực, công việc	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú
				Tổng số		lần 1	lần 2	lần 3	Tổng số		Dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng	Dưới 9 tháng			
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	
		1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Lĩnh vực Mỹ phẩm	0	1	0	0	0	0	0	0	01	01			0	0	
2	Lĩnh vực Dược phẩm	02	209	0	02	0	0	0	02	207	209			0	0	01 HS CCHND xin rút; 01 HS QT thẩm định không đạt, xin nghỉ hoạt động kinh doanh
3	Lĩnh vực khám chữa bệnh	07	202	0	0	0	0	0	07	202	209			0	0	
4	Lĩnh vực Trang thiết bị y tế	01	01	0	0	0	0	0	01	01	02			0	0	

Stt	Lĩnh vực, công việc	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú
				Tổng số		lần 1	lần 2	lần 3	Tổng số		Dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng	Dưới 9 tháng			
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân						
		1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
5	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	21	0	0	0	0	0	0	21	0	21	0	0	0	0	

**Ghi chú:** Sở Y tế chưa xem xét, xử lý, giải quyết hồ sơ chưa được quy định trong bộ thủ tục hành chính. Khi đã được Bộ Y tế công bố thủ tục hành chính và tại địa phương được UBND tỉnh Công bố ban hành Quyết định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế. Lúc đó, Sở mới tiếp nhận hồ sơ và giải quyết.



**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN**

*(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)*

Stt	Loại đơn thư	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	cá nhân			Tổ chức	cá nhân				Tổ chức	cá nhân	Tổ chức	cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	Kiến nghị, phản ánh	0	15	0	15	0	15	0	15	0	0	0	0	0	
2	Khiếu nại	0	3	0	3	0	3	0	3	0	0	0	0	0	
3	Tố cáo	0	7	0	7	0	7	0	7	0	0	0	0	0	



**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ**

*(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)*

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyên sang	Nhận trong kỳ	Tổng số			Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn				
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân	Lần 1	Lần 2	Lần 3				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
1	Phê duyệt liên kết giáo dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Gia hạn, điều chỉnh liên kết giáo dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm học thêm có nội dung thuộc chương trình THPT	0	21	0	21	0	0	0	0	0	0	21	0	21	0	0	0	0		

4	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học (Bao gồm trường THCS; trường THPT; Trường PT có nhiều cấp học; trường PTDTNT cấp huyện, cấp tỉnh; trường chuyên...)	6	0	0	6	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	3	0	0	0
5	Chuyên trường đối với học sinh trung học phổ thông	0	148	0	148	0	1	1	0	0	0	148	0	148	0	0	0	0	0
6	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục PT có vốn đầu tư nước ngoài.	0	15	0	15	0	13	2	8	3	0	15	0	15	0	0	0	0	0





UBND Tỉnh NINH THUAN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

PHỤ LỤC 8B

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN**  
(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

stt	Loại đơn thư	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết				Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú	
		Tổng số		Kỳ trước chuyên sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức		Cá nhân
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	Kiến nghị, phản ánh	/	11	/	11	/	11	/	11	/	/	/	/		
2	Khiếu nại	/	02	/	02	/	02	/	02	/	/	/	/		
3	Tố cáo	/	02	/	02	/	02	/	02	/	/	/	/		

**GHI CHÚ:** - (cột 3) Số đơn tồn từ trước đến nay.

- (cột 4) Tính từ khi có Chỉ thị 10.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ

( Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020 )

stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Ghi chú	
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức		Cá nhân
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
1	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận buôn bán phân bón	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	
2	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	

GHI CHÚ: - (cột 3) Số lượng hồ sơ tồn từ trước đến nay.  
 - (cột 4) Số lượng hồ sơ tiếp nhận từ khi có Chỉ thị 10.

UBND Tỉnh NINH THUAN  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

PHỤ LỤC 8D

VIỆC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, KẾT QUẢ  
(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

stt	Lĩnh vực, công việc	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung			Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú			
				Tổng số	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số	Dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng				Dưới 9 tháng		
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân		
		1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Nhà máy 4019		57.775	/	/	/	/	/	/	57.770				/	05	Kiểm tra
2	.....		4.998							4.994					04	Kiểm tra
3	.....		62.773							62.764					09	Kiểm tra

GHI CHÚ: - Hồ sơ chưa được quy định trong Bộ thủ tục hành chính nhưng Sở NN&PTNT đã phải xem xét, xử lý, giải quyết.  
- (cột 1, cột 2) là số lượng hồ sơ tiếp nhận từ trước đến nay.

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, THÔNG TIN QUA THƯ ĐIỆN TỬ, ĐƯỜNG DÂY NÓNG**

Kỳ báo cáo: 22/4/2019 đến 29/02/2020

Stt	Loại hình	Số lượng tiếp nhận		số lượng đã giải quyết					Số lượng Chưa đã giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13		
1	Qua thư điện tử	8	2	8	2	0	10	0	0	0	0	0	08 thông tin tổ chức về thủ tục giao đất, cho thuê đất; 02 thông tin cá nhân về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
2	Qua đường dây nóng	19	110	19	120	0	139	0	0	0	0	0	19 thông tin tổ chức (trong đó 12 thông tin về thủ tục giao đất, cho thuê đất, 07 thông tin về thủ tục lập hồ sơ xin cấp giấy phép khoáng sản); 110 thông tin cá nhân (trong đó: 82 thông tin chủ yếu khiếu nại đất đai liên quan đến thu hồi, bồi thường; 28 thông tin về ô nhiễm môi trường)

Tổng số thông tin trên không có thông tin phản ánh, khiếu nại về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp



UBND TỈNH NINH THUẬN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 7B

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN  
(Kỳ báo cáo từ ngày 22/4/2019 đến ngày 29/02/2020)

STT	Loại đơn thư	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết			
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn	
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
		-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	-11	-12	-13
1	Kiến nghị, phản ánh	0	46	0	46	0	46	41	5	0	0	0	0	0
2	Khiếu nại	0	99	0	99	0	99	40	59	0	0	0	0	0
3	Tố cáo	0	11	0	11	0	11	1	10	0	0	0	0	0
4	Tranh chấp	0	8	0	8	0	8	4	4	0	0	0	0	0

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ  
Kỳ báo cáo: 22/4/2019 đến 29/02/2020

STT	Thủ tục	Số lượng hồ sơ Tiếp nhận			Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung				Số lượng hồ sơ đã giải quyết			Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú	
		Tổng số tổ chức	Kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số tổ chức	Lần 1	lần 2	lần 3	Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Trong hạn	Quá hạn		
I	Lĩnh vực Đất đai														
1	Hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	23	3	20	4	4	0	0	16	3	0	4	0	04 hồ sơ chưa giải quyết đã trả lại hồ sơ	
2	Hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Hồ sơ xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu; Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu; Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	48	0	48	0	0	0	0	45	0	0	3	0		
4	Hồ sơ thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư	23	10	13	4	4	0	0	10	9	0	4	0	04 hồ sơ chưa giải quyết đã trả lại hồ sơ	







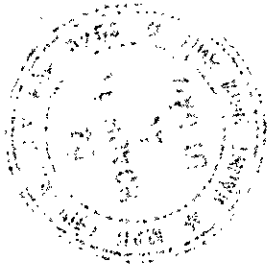




**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN**  
(Kỳ báo cáo từ ngày 22/4/2019 đến 29/02/2020)

STT	Loại đơn thư	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Kiến nghị, phản ánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**Ghi chú:** - (cột 3) Số đơn tồn từ trước đến nay.  
- (cột 4) Tính từ khi có Chỉ thị 10.







**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ**

(Kỳ báo cáo từ ngày 22/4/2019 đến 29/02/2020)

Stt	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Ghi chú	
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số			lần 1	lần 2	lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
1	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam																				
1.1	Quyết định chủ trương đầu tư	109	0	09	100	49	0	38	09	02	97	0	06	86	05	12	0	0	0		
1.2	Điều chỉnh Giấy CNĐKĐT/QĐCTĐT	64	0	03	61	20	0	15	02	03	54	0	11	35	08	10	0	0	0		
2	Lĩnh vực đấu thầu																				
2.1	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	198	-	-	198	16	-	16	-	-	191	-	178	13	-	7	-	-	-	HS chưa giải quyết còn trong hạn	

**Ghi chú:** - (cột 3) Số lượng hồ sơ tồn từ trước đến nay.  
- (cột 4) Số lượng hồ sơ tiếp nhận từ khi có Chỉ thị 10.





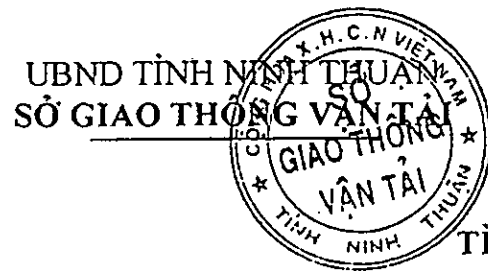
**VIỆC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, KẾT QUẢ**  
(Kỳ báo cáo từ ngày 22/4/2019 đến 29/02/2020)

Stt	Lĩnh vực, công việc	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết					Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú
				Tổng số				lần 1	lần 2	lần 3	Tổng số					
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng	Dưới 9 tháng			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**Ghi chú:** - Hồ sơ chưa được quy định trong Bộ thủ tục hành chính nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phải xem xét, xử lý, giải quyết.  
- (cột 1, cột 2) là số lượng hồ sơ tiếp nhận từ trước đến nay.







**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN**  
(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

stt	Loại đơn thư	Số lượng đơn tiếp nhận				Số lượng đơn đã giải quyết					Số lượng đơn chưa giải quyết				Ghi chú
		Tổng số		Kỳ trước chuyên sang	Nhận trong kỳ	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số		Trong đó đã quá hạn		
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
1	Kiến nghị, phản ánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

**GHI CHÚ:** - (cột 3) Số đơn tồn từ trước đến nay.  
- (cột 4) Tính từ khi có Chỉ thị 10.



**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ**

(Kỳ báo cáo từ 22/04/2019 đến 29/02/2020)

T T	Lĩnh vực	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ chưa giải quyết				Ghi chú		
		Tổng số		Kỳ trước chuyển sang	Nhận trong kỳ	Tổng số			Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số		Trước hạn	Đúng hạn	Trễ hạn	Tổng số			Trong đó đã quá hạn	
		Tổ chức	Cá nhân			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức				Cá nhân	Tổ chức		Cá nhân	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
1	Hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật/hoặc điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng /hoặc điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước.	06	0	0	06	0	0	0	0	0	06	0	0	06	0	0	0	0	0		
2	Hồ sơ thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	02	0	0	02	0	0	0	0	0	02	0	0	02	0	0	0	0	0		
3	Hồ sơ thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/hoặc điều chỉnh.	02	0	0	02	0	0	0	0	0	02	0	0	02	0	0	0	0	0		
4	Công tác quản lý, khai thác các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe trên địa bàn toàn tỉnh/TP (kể cả trên lòng đường, vỉa hè)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

**GHI CHÚ:**

- (Cột 3) Số lượng hồ sơ tồn từ trước đến nay.
- (Cột 4) Số lượng hồ sơ tiếp nhận từ khi có Chỉ thị 10.
- Công tác quản lý, khai thác các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe: Không ghi trong nội dung bảng biểu, nêu cụ thể tại phần này, gồm:
  - + Các điểm do TP quản lý, khai thác: Số lượng, địa chỉ, tổ chức khác quản lý, khai thác: việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ dịch vụ này.
  - + Các điểm do UBND cấp quận, huyện, phường (xã) và các tổ chức khác quản lý, khai thác: Số lượng, địa chỉ, tổ chức khác quản lý, khai thác: việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ dịch vụ này.



LIỆC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, KẾT QUẢ

(Kỳ báo cáo từ 22/4/2019 đến 29/02/2020)

stt	Lĩnh vực, công việc	Số lượng hồ sơ tiếp nhận		Số lượng hồ sơ tiếp nhận nhưng trả lại để bổ sung					Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ chưa giải quyết		Ghi chú	
				Tổng số	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Tổng số	Dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng	Dưới 9 tháng					
		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức	Cá nhân				Tổ chức		Cá nhân
		1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật/hoặc điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng /hoặc điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước.	06	0	0	0	0	0	0	06	0	06	0	0	0	0	
2	Hồ sơ thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	02	0	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0	0	
3	Hồ sơ thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/hoặc điều chỉnh.	02	0	0	0	0	0	0	02	0	02	0	0	0	0	
4	Công tác quản lý, khai thác các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe trên địa bàn toàn tỉnh/TP (kể cả trên lòng đường, vỉa hè)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

GHI CHÚ: - Hồ sơ chưa được quy định trong Bộ thủ tục hành chính nhưng Sở GTVT đã phải xem xét, xử lý, giải quyết.  
- (cột 1, cột 2) là số lượng hồ sơ tiếp nhận từ trước đến nay.